

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 42/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: chị **Bùi Thị D**, sinh năm 1986; nơi thường trú: 1, khu D, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 030186020698, cấp ngày: 25/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1.

Bị đơn: anh **Bùi Thành C**, sinh năm 1982; nơi thường trú: 1, khu D, phường V, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số: 022082004424, cấp ngày: 28/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024 và 2025;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, các điều 82, 83, khoản 1 Điều 107, các điều 110, 116 và 117, khoản 1 Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024 và 2025; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Bùi Thị D** và anh **Bùi Thành C**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị **Bùi Thị D** và anh **Bùi Thành C** cùng thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị **D** và anh **C** có 02 (hai) con chung là **Bùi Hải M**, sinh ngày 25/11/2012 và **Bùi Tuệ S**, sinh ngày 14/3/2019. Ly hôn, chị **D** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 (hai) con chung đến khi mỗi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng/tháng, tổng cộng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng/tháng cho 02 (hai) con chung, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi 02 (hai) con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh **C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị **D** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị **D** và anh **C** tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị **Bùi Thị D** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), gồm: 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị **D** đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001021 ngày 11/3/2026 của Thi hành **án dân sự tỉnh Q**; chị **Bùi Thị D** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực **1-Quảng** Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường V, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm